

## MỤC LỤC

<b>Nội dung</b>	<b>Trang</b>
1. Báo cáo của Ban Giám đốc	02 – 04
2. Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ	05 – 06
3. Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30 tháng 06 năm 2022	07 – 08
4. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2022	09
5. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2022	10
6. Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2022	11 – 29
7. Phụ lục 01 – Tình hình tăng giảm vốn chủ sở hữu	30

---



## **BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

### **1. Khái quát về Công ty**

Công ty CP Cấp nước Tân Hòa (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là công ty cổ phần, được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0310350068 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tp. Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 06/10/2010. Trong quá trình hoạt động, Công ty đăng ký thay đổi lần thứ 10 ngày 01/06/2022 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tp. Hồ Chí Minh cấp.

Vốn điều lệ : 50.000.000.000 đồng.

Vốn góp thực tế đến ngày 30/06/2022 : 50.000.000.000 đồng.

Công ty niêm yết trên sàn chứng khoán UpCom với mã chứng khoán là THW.

### **2. Trụ sở hoạt động**

#### **2.1 Trụ sở chính hoạt động**

Địa chỉ : 215 Trần Thủ Độ, phường Phú Thạnh, quận Tân Phú, T.p Hồ Chí Minh.

Điện thoại : (08) 3955 5840

Fax : (08) 3955 7977

Mã số thuế : 0310350068

### **3. Ngành nghề hoạt động**

- Khai thác, xử lý và cung cấp nước.  
Chi tiết: quản lý, phát triển hệ thống cấp nước, cung ứng, kinh doanh nước sạch cho nhu cầu tiêu dùng, sản xuất (mã ngành 3600);
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác.  
Chi tiết: tái lập mặt đường đối với các công trình chuyên ngành cấp nước và các công trình khác;
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan.  
Chi tiết: tư vấn xây dựng các công trình cấp nước, công trình dân dụng – công nghiệp (trừ giám sát thi công, khảo sát xây dựng). Xây dựng công trình cấp nước, dân dụng và công nghiệp. Thiết kế cấp thoát nước công trình xây dựng. Thẩm tra thiết kế cấp thoát nước công trình xây dựng;
- Bán buôn máy móc, thiết bị phụ tùng máy khác.  
Chi tiết: bán buôn vật tư, phụ tùng, máy móc ngành nước (mã ngành 4659);
- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí.  
Chi tiết: lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước; lắp đặt hệ thống đường ống cấp, thoát nước trong nhà và công trình xây dựng công trình khác (trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở) (mã ngành 4322);
- Sửa chữa máy móc, thiết bị.  
Chi tiết: Bảo dưỡng, sửa chữa thiết bị đường ống (trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở) (mã ngành 3312);
- Cho thuê xe có động cơ.  
Chi tiết: Cho thuê xe ô tô, xe tải (mã ngành 7710);
- Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác.  
Chi tiết: Cho thuê máy bơm, xe cẩu, máy dầm, máy đào, xe cần trục, dàn giáo, bệ và những thiết bị khác phục vụ xây dựng, ngành nước và kỹ thuật dân dụng khác (mã ngành 7730).

#### 4. Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát, Ban Giám đốc và Kế toán trưởng

##### 4.1 Hội đồng Quản trị

Hội đồng Quản trị của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập Báo cáo giữa niên độ này bao gồm:

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Bà Trần Thị Ngọc Luyến	Chủ tịch	01/03/2020	-
Ông Nguyễn Mười	Thành viên	26/01/2022	-
Ông Phạm Khương Thảo	Thành viên	-	26/01/2022
Ông Nguyễn Thanh Sử	Thành viên	-	-
Ông Lê Minh Châu	Thành viên	-	-
Bà Nguyễn Thị Kiều Nguyệt	Thành viên	-	-

##### 4.2 Ban kiểm soát

Ban Kiểm soát của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập Báo cáo giữa niên độ này bao gồm:

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Vũ Khánh Trùng Dương	Trưởng ban	-	-
Bà Trần Thị Thanh Tâm	Thành viên	-	-
Bà Trần Thị Châu Giang	Thành viên	-	-

##### 4.3 Ban Giám đốc và Kế toán trưởng

Ban Giám đốc và Kế toán trưởng của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập Báo cáo giữa niên độ này bao gồm:

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Nguyễn Mười	Giám đốc	26/01/2022	-
Ông Phạm Khương Thảo	Giám đốc	-	26/01/2022
Ông Trương Tấn Quốc	Phó Giám đốc	-	26/01/2022
Ông Lê Trung Thành	Phó Giám đốc kinh doanh	01/08/2021	-
Ông Nguyễn Trần Lam	Phó Giám đốc	19/04/2022	-
Bà Nguyễn Thị Thanh Tuyền	Kế toán trưởng	-	-

#### 5. Người đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập Báo cáo giữa niên độ này Ông Nguyễn Mười – Giám đốc.

#### 6. Đánh giá tình hình kinh doanh

Kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và tình hình tài chính giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2022 được thể hiện trong Báo cáo tài chính giữa niên độ từ trang 07 đến trang 30.

#### 7. Sự kiện sau ngày kết thúc niên độ

Theo ý kiến của Ban Giám đốc, Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2022 của Công ty sẽ không bị ảnh hưởng nghiêm trọng bởi bất kỳ khoản mục, nghiệp vụ hay sự kiện quan trọng hoặc có bản chất bất thường nào phát sinh từ ngày kết thúc năm tài chính cho đến ngày lập Báo cáo này cần thiết phải có các điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính giữa niên độ.

#### 8. Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt - **VIETVALUES** được chỉ định soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2022 của Công ty.

**CÔNG TY CP CẤP NƯỚC TÂN HÒA**

Số 215 Trần Thủ Độ, phường Phú Thạnh, quận Tân Phú, T.p Hồ Chí Minh

**Báo cáo của Ban Giám đốc (tiếp theo)**

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2022

**9. Trách nhiệm của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập các Báo cáo tài chính giữa niên độ phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2022. Trong việc lập các Báo cáo tài chính giữa niên độ này, Ban Giám đốc đã:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính giữa niên độ;
- Lập Báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh;
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Ban Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán có liên quan được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính giữa niên độ, tình hình hoạt động giữa niên độ của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các qui định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Ban Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ.

**10. Phê duyệt các Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Ban Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm. Báo cáo tài chính giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính giữa niên độ của Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 06 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và các luồng lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các qui định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ. ✓



**NGUYỄN MƯỜI**

Giám đốc ✓

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 7 năm 2022.



Số: 2315/22/BCKT/AUD-VVALUES

## BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC  
CÔNG TY CP CẤP NƯỚC TÂN HÒA**

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty CP Cấp nước Tân Hòa (sau đây gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 29 tháng 7 năm 2022, từ trang 07 đến trang 30, bao gồm: Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30 tháng 06 năm 2022, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ và Bản Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày đính kèm.

### *Trách nhiệm của Ban Giám đốc*

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ theo Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### *Trách nhiệm của Kiểm toán viên*

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về thông tin tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

### *Kết luận của Kiểm toán viên*

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính giữa niên độ của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2022, kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

**Vấn đề cần nhấn mạnh**

Chúng tôi muốn lưu ý người đọc đến các Thuyết minh trong Thuyết minh Báo cáo tài chính như sau:

- Tại Thuyết minh số V.16, Công ty đang sử dụng địa chỉ số 95 Phạm Hữu Chí, phường 12 quận 5, Tp. HCM làm địa điểm kinh doanh Công ty Cổ Phần Cấp Nước Tân Hòa. Đây là diện tích đất do UBND Tp. HCM giao cho Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn – TNHH MTV (“Tổng Công ty”) quản lý. Tổng Công ty đã có văn bản số 5357/TCT-VP ngày 23/11/2021 và văn bản số 1741/TCT-VP ngày 14/04/2022 đề nghị các đơn vị cổ phần khẩn trương đi dòi để hoàn trả các địa chỉ nhà đất cho Tổng Công ty Cấp Nước Sài Gòn trước ngày 30/04/2022. Hiện nay, Công ty Cổ Phần Cấp Nước Tân Hòa đang nỗ lực xây dựng các phương án để đi dòi địa điểm kinh doanh Công ty tại địa chỉ số 95 Phạm Hữu Chí, phường 12, quận 5, Tp. HCM trong thời gian tới;
- Ngoài ra, cũng tại thuyết minh V.16, đất đặt trụ sở Công ty tại 215 Trần Thủ Độ, phường Phú Thạnh, quận Tân Phú, Tp. HCM được sử dụng từ năm 2015, đến thời điểm hiện tại Công ty chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và ký hợp đồng thuê đất. Trong kỳ, Công ty vẫn nộp tiền thuê đất theo thông báo chi cục thuế quận Tân Phú, tiền thuê đất phát sinh trong kì đã nộp là 160.527.600 đồng.
- Tại Thuyết minh VI.1, trong đó, doanh thu quản lý dịch vụ cung cấp nước sạch được ghi nhận là 49.927.594.464 đồng. Tuy nhiên, vào cuối năm Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn – TNHH MTV sẽ tính toán lại theo khoản 4.1, Điều 4, Hợp đồng dịch vụ phân phối nước sạch số 454/HĐ-TCT-KDDVKH ký ngày 24/01/2022 giữa Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn – TNHH MTV và Công ty.

Kết luận của chúng tôi không liên quan đến các vấn đề này.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 7 năm 2022.

**Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt (VIETVALUES)**



**Nguyễn Thanh Hồng – Phó Tổng Giám đốc**

Giấy CNĐKHN số: 1512-2018-071-1

Chữ ký được ủy quyền

**Nơi nhận:**

- Như trên.
- Lưu **VIETVALUES**.

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2022

DVT: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
1	2	3	4	5
<b>100</b>	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>107.533.001.502</b>	<b>110.029.165.935</b>
<b>110</b>	<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	V.1	<b>21.066.867.161</b>	<b>26.464.733.730</b>
111	1. Tiền		7.066.867.161	1.464.733.730
112	2. Các khoản tương đương tiền		14.000.000.000	25.000.000.000
<b>120</b>	<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	V.2	<b>14.000.000.000</b>	<b>11.000.000.000</b>
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		14.000.000.000	11.000.000.000
<b>130</b>	<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>42.512.942.734</b>	<b>60.180.796.094</b>
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	V.3	36.800.874.562	56.470.436.841
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	V.4	1.547.258.595	325.631.460
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	V.5	4.164.809.577	3.384.727.893
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		-	-
<b>140</b>	<b>IV. Hàng tồn kho</b>	V.6	<b>27.982.032.109</b>	<b>12.367.112.788</b>
141	1. Hàng tồn kho		27.982.032.109	12.367.112.788
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)		-	-
<b>150</b>	<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>1.971.159.498</b>	<b>16.523.223</b>
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	V.7a	1.971.159.498	-
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước		-	16.523.223
<b>200</b>	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>8.577.494.611</b>	<b>10.233.038.744</b>
<b>210</b>	<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>220</b>	<b>II. Tài sản cố định</b>		<b>7.696.568.955</b>	<b>8.936.440.688</b>
221	1. Tài sản cố định hữu hình	V.8	6.867.289.334	7.342.160.245
222	- Nguyên giá		22.488.688.210	21.714.668.210
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(15.621.398.876)	(14.372.507.965)
227	2. Tài sản cố định vô hình	V.9	829.279.621	1.594.280.443
228	- Nguyên giá		5.542.504.000	5.542.504.000
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(4.713.224.379)	(3.948.223.557)
<b>240</b>	<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>250</b>	<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>260</b>	<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>		<b>880.925.656</b>	<b>1.296.598.056</b>
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	V.7b	814.242.160	1.229.914.560
263	2. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	V.6	66.683.496	66.683.496
<b>270</b>	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>116.110.496.113</b>	<b>120.262.204.679</b>



**CÔNG TY CP CẤP NƯỚC TÂN HÒA**

Địa chỉ: Số 215 Trần Thủ Độ, phường Phú Thạnh, quận Tân Phú, T.p Hồ Chí Minh

Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2022

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
1	2	3	4	5
<b>300</b>	<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>62.601.641.215</b>	<b>62.741.304.853</b>
<b>310</b>	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>62.601.641.215</b>	<b>62.741.304.853</b>
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	V.10	36.639.792.975	31.934.738.700
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	V.11	6.907.231.684	1.680.186.191
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	V.12	980.926.320	6.552.625.572
314	4. Phải trả người lao động		9.599.342.885	19.382.051.979
319	5. Phải trả ngắn hạn khác	V.13	4.935.466.935	1.036.061.393
322	6. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	V.14	3.538.880.416	2.155.641.018
<b>330</b>	<b>II. Nợ dài hạn</b>		-	-
<b>400</b>	<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	V.15	<b>53.508.854.898</b>	<b>57.520.899.826</b>
<b>410</b>	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>		<b>53.508.854.898</b>	<b>57.520.899.826</b>
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		50.000.000.000	50.000.000.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		50.000.000.000	50.000.000.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		93.553.000	93.553.000
415	3. Cổ phiếu quỹ (*)		(27.200.000)	(27.200.000)
418	4. Quỹ đầu tư phát triển		1.409.526.290	1.146.479.898
421	5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		2.032.975.608	6.308.066.928
421b	- LNST chưa phân phối kỳ này		2.032.975.608	6.308.066.928
<b>430</b>	<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>		-	-
<b>440</b>	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>116.110.496.113</b>	<b>120.262.204.679</b>

TP. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 7 năm 2022

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc





HOÀNG THỊ XUÂN TRANG

NGUYỄN THỊ THANH TUYÊN

NGUYỄN MƯỜI



**CÔNG TY CP CẤP NƯỚC TÂN HÒA**

Địa chỉ: Số 215 Trần Thủ Độ, phường Phú Thạnh, quận Tân Phú, T.p Hồ Chí Minh

Kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2022

**KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2022

ĐVT: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Kỳ này	Kỳ trước
1	2	3	4	5
01	<b>1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	VI.1	<b>52.944.886.131</b>	<b>49.850.013.611</b>
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	<b>3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>		<b>52.944.886.131</b>	<b>49.850.013.611</b>
11	4. Giá vốn hàng bán	VI.2	42.310.440.613	41.410.445.185
20	<b>5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>		<b>10.634.445.518</b>	<b>8.439.568.426</b>
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	VI.3	364.229.413	568.440.516
22	7. Chi phí tài chính		-	-
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay		-	-
25	8. Chi phí bán hàng		-	-
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	VI.4	8.545.762.092	6.520.367.130
30	<b>10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>		<b>2.452.912.839</b>	<b>2.487.641.812</b>
31	11. Thu nhập khác	VI.5	214.799.581	106.184.504
32	12. Chi phí khác		62.864.660	24.196.551
40	<b>13. Lợi nhuận khác</b>		<b>151.934.921</b>	<b>81.987.953</b>
50	<b>14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>		<b>2.604.847.760</b>	<b>2.569.629.765</b>
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	V.12	571.872.152	545.400.283
52	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	-
60	<b>17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>		<b>2.032.975.608</b>	<b>2.024.229.482</b>
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	VI.6	407	405
71	19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	VI.6	407	405

Người lập biểu



HOÀNG THỊ XUÂN TRANG

Kế toán trưởng



NGUYỄN THỊ THANH TUYỀN

TP. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 7 năm 2022

Giám đốc



NGUYỄN MƯỜI

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ**

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2022

DVT: VND

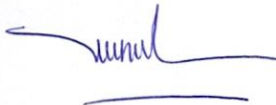
Mã số	Chi tiêu	Thuyết minh	Kỳ này	Kỳ trước
1	2	3	4	5
	<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
01	<b>1. Lợi nhuận trước thuế</b>		<b>2.604.847.760</b>	<b>2.569.629.765</b>
	<b>2. Điều chỉnh cho các khoản</b>		<b>1.652.499.984</b>	<b>1.403.174.874</b>
02	- Khấu hao tài sản cố định và BĐS đầu tư	V.8; V.9	2.013.891.733	1.971.525.774
03	- Các khoản dự phòng		-	-
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		-	-
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	VI.3	(361.391.749)	(568.350.900)
06	- Chi phí lãi vay		-	-
07	- Các khoản điều chỉnh khác		-	-
08	<b>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>		<b>4.257.347.744</b>	<b>3.972.804.639</b>
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		17.658.639.695	57.445.520.418
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		(15.614.919.321)	(14.558.097.887)
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp)		(3.700.396.471)	(30.323.731.239)
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		(1.555.487.098)	(2.747.504.397)
13	- Tăng giảm chứng khoán kinh doanh		-	-
14	- Tiền lãi vay đã trả		-	-
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	V.12	(1.297.807.367)	(667.377.975)
16	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	V.14	-	110.650.000
17	- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	V.14	(1.712.961.138)	(1.239.626.240)
20	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>		<b>(1.965.583.956)</b>	<b>11.992.637.319</b>
	<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		(817.784.000)	(439.500.000)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		-	5.772.727
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	VII.1	(8.000.000.000)	(8.000.000.000)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	VII.2	5.000.000.000	10.000.000.000
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	-
26	6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	-
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		387.128.737	874.222.006
30	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>		<b>(3.430.655.263)</b>	<b>2.440.494.733</b>
	<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
31	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		-	-
32	2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành		-	-
33	3. Tiền thu từ đi vay		-	-
34	4. Tiền trả nợ gốc vay		-	-
35	5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính		-	-
36	6. Cổ tức, lợi nhuận đã thu/(chi) cho chủ sở hữu		(1.627.350)	(2.042.500)
40	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>		<b>(1.627.350)</b>	<b>(2.042.500)</b>
50	<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (20+30+40)</b>		<b>(5.397.866.569)</b>	<b>14.431.089.552</b>
60	<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	V.1	<b>26.464.733.730</b>	<b>9.341.887.946</b>
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		-	-
70	<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>	V.1	<b>21.066.867.161</b>	<b>23.772.977.498</b>

TP. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 7 năm 2022

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc







HOÀNG THỊ XUÂN TRANG

NGUYỄN THỊ THANH TUYÊN

NGUYỄN MƯỜI

## **BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

### **Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2022**

Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và phải được đọc kèm với Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2022 của Công ty CP Cấp nước Tân Hòa (sau đây gọi là “Công ty”).

#### **I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG**

##### **1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty CP Cấp nước Tân Hòa (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là công ty cổ phần được cổ phần hóa từ doanh nghiệp Nhà nước theo Quyết định số 3646/QĐ-UBND ngày 26 tháng 07 năm 2014 của Ủy ban Nhân dân thành phố Hồ Chí Minh.

##### **2. Lĩnh vực kinh doanh**

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là cung cấp nước sạch.

##### **3. Ngành nghề kinh doanh**

- Khai thác, xử lý và cung cấp nước.

Chi tiết: quản lý, phát triển hệ thống cấp nước, cung ứng, kinh doanh nước sạch cho nhu cầu tiêu dùng, sản xuất (mã ngành 3600);

- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác.

Chi tiết: tái lập mặt đường đối với các công trình chuyên ngành cấp nước và các công trình khác;

- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan.

Chi tiết: tư vấn xây dựng các công trình cấp nước, công trình dân dụng – công nghiệp (trừ giám sát thi công, khảo sát xây dựng). Xây dựng công trình cấp nước, dân dụng và công nghiệp. Thiết kế cấp thoát nước công trình xây dựng. Thẩm tra thiết kế cấp thoát nước công trình xây dựng;

- Bán buôn máy móc, thiết bị phụ tùng máy khác.

Chi tiết: bán buôn vật tư, phụ tùng, máy móc ngành nước (mã ngành 4659);

- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí.

Chi tiết: lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước; lắp đặt hệ thống đường ống cấp, thoát nước trong nhà và công trình xây dựng công trình khác (trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở) (mã ngành 4322);

- Sửa chữa máy móc, thiết bị.

Chi tiết: Bảo dưỡng, sửa chữa thiết bị đường ống (trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở) (mã ngành 3312);

- Cho thuê xe có động cơ.

Chi tiết: Cho thuê xe ô tô, xe tải (mã ngành 7710);

- Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác.

Chi tiết: Cho thuê máy bơm, xe cẩu, máy đầm, máy đào, xe cần trục, dàn giáo, bệ và những thiết bị khác phục vụ xây dựng, ngành nước và kỹ thuật dân dụng khác (mã ngành 7730).

##### **4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty: 12 tháng.

##### **5. Đặc điểm hoạt động của Công ty trong kỳ có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính**

Ban Giám đốc đã thực hiện đánh giá về tác động tổng thể của tình hình dịch bệnh Covid – 19 đối với hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty cũng như các ảnh hưởng đến tài chính, bao gồm khả năng thu hồi

nợ và nhận thấy dịch Covid – 19 không có ảnh hưởng trọng yếu đến Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2022.

## 6. Nhân viên

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán Công ty có 311 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 316 nhân viên).

## II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

### 1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Báo cáo tài chính giữa niên độ này được lập cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2022 (từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022).

### 2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam.

## III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

### 1. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực Kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

### 2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực Kế toán và Chế độ Kế toán

Ban Giám đốc Công ty CP Cấp nước Tân Hòa đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

## IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

### 1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

### 2. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không có kỳ hạn và tiền đang chuyển, vàng tiền tệ.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá ba tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

### 3. Các khoản đầu tư tài chính

#### *Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn*

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

U3128  
CÔNG  
CH NHIỆM  
TOÁN V  
TUẤN  
TP. H

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

#### 4. Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại ngoại tệ phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng, phải thu nội bộ và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Doanh nghiệp và người mua là đơn vị độc lập với Doanh nghiệp, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu nội bộ phản ánh các khoản phải thu các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

#### 5. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa, công cụ dụng cụ: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: chi bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính (hoặc yếu tố chi phí khác cho phù hợp).
- Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho khi được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo chi phí phát sinh thực tế cho từng nội dung dịch vụ chưa hoàn thành hoặc chưa được khách hàng nghiệm thu thanh toán.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.



## 6. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán giữa niên độ và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng

## 7. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định khấu hao theo phương pháp đường thẳng để trừ dần nguyên giá tài sản cố định theo thời gian hữu dụng ước tính phù hợp với hướng dẫn theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 04 năm 2013 của Bộ Tài chính, Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13 tháng 10 năm 2016 sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư 45/2013/TT-BTC và Thông tư số 28/2017/TT-BTC ngày 12 tháng 04 năm 2017 của Bộ Tài chính sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC và Thông tư số 147/2016/TT-BTC của Bộ tài chính.

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng có thời gian khấu hao ước tính như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 25
Máy móc và thiết bị	05 – 12
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 – 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 10

## 8. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm các phần mềm máy tính

### **Chương trình phần mềm**

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao ước tính từ 03-08 năm.

### **9. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả**

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả nội bộ và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Doanh nghiệp, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

### **10. Chi phí lương**

Quỹ lương trong kỳ được tạm trích theo Báo cáo Quỹ lương Kế hoạch số 150/TCT-HDTV ngày 08 tháng 6 năm 2022 của Công ty CP Cấp nước Tân Hòa về việc xác định Quỹ lương kế hoạch cho người lao động và cán bộ quản lý năm 2022.

### **11. Vốn chủ sở hữu**

#### **Vốn góp của chủ sở hữu**

Vốn góp của chủ sở hữu là số vốn thực góp của chủ sở hữu.

### **12. Phân phối lợi nhuận**

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên:

- Quỹ đầu tư phát triển: Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành: Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên và được trình bày như một khoản phải trả trên Bảng cân đối kế toán.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

### 13. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

#### *Doanh thu cung cấp dịch vụ*

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

#### *Doanh thu hoạt động tài chính*

Doanh thu hoạt động tài chính là doanh thu phát sinh từ lãi tiền gửi và được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

### 14. Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán là tổng giá vốn của hàng hóa, dịch vụ đã cung cấp, chi phí khác được tính vào giá vốn hoặc ghi giảm giá vốn hàng bán.

### 15. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp là toàn bộ các chi phí phát sinh đến quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ và các chi phí quản lý chung của công ty.

### 16. Thuế và các khoản phải nộp Nhà Nước

Các khoản thuế Công ty tính và nộp ngân sách gồm:

#### *Thuế giá trị gia tăng*

Thuế GTGT: theo phương pháp khấu trừ.

#### *Thuế thu nhập hiện hành*

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp: 20%.

*Các loại thuế khác theo quy định hiện hành tại thời điểm nộp thuế hàng năm.*

### 17. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.



## V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (ĐVT: VNĐ)

### 1. Tiền và các khoản tương đương tiền

Chỉ tiêu	Số cuối kỳ 30/06/2022	Số đầu năm 01/01/2022
Tiền mặt	37.991.859	18.101.084
Tiền gửi ngân hàng	7.028.875.302	1.446.632.646
Các khoản tương đương tiền (*)	14.000.000.000	25.000.000.000
<b>Tổng cộng</b>	<b>21.066.867.161</b>	<b>26.464.733.730</b>

(\*) Là các khoản tiền gửi có kỳ hạn dưới 03 tháng tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam.

### 2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Là khoản tiền gửi có kỳ hạn trên 03 tháng đến không quá 12 tháng tại các ngân hàng thương mại với lãi suất từ 4,8% - 5,3%/năm.

### 3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Số cuối kỳ 30/06/2022	Số đầu năm 01/01/2022
<b>Phải thu ngắn hạn của các bên liên quan</b>	<b>36.183.227.399</b>	<b>54.361.001.214</b>
Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn – TNHH MTV	36.183.227.399	54.361.001.214
<b>Phải thu ngắn hạn của khách hàng khác</b>	<b>617.647.163</b>	<b>2.109.435.627</b>
Ban QLDA Đầu tư Xây dựng Công trình Quận Tân Bình	412.094.000	412.094.000
Các đối tượng khác	205.553.163	1.697.341.627
<b>Cộng</b>	<b>36.800.874.562</b>	<b>56.470.436.841</b>

### 4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Số cuối kỳ 30/06/2022	Số đầu năm 01/01/2022
<b>Trả trước cho các bên liên quan</b>	<b>2.142.695</b>	<b>9.338.460</b>
Công ty Cổ phần Cấp nước Chợ Lớn	2.142.695	9.338.460
<b>Trả trước cho người bán khác</b>	<b>1.545.115.900</b>	<b>316.293.000</b>
Công ty Cổ phần Hạ tầng Đô thị Ánh Dương	575.901.900	-
Công ty TNHH TM DV Du lịch WOW	283.350.000	-
Tổng Công ty Cổ phần May Việt Tiến	210.984.000	-
Các đối tượng khác	474.880.000	316.293.000
<b>Cộng</b>	<b>1.547.258.595</b>	<b>325.631.460</b>

**CÔNG TY CP CẤP NƯỚC TÂN HÒA**

Địa chỉ: Số 215 Trần Thủ Độ, phường Phú Thạnh, quận Tân Phú, T.p Hồ Chí Minh

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2022

**5. Phải thu ngắn hạn khác**

	Số cuối kỳ 30/06/2022	Số đầu năm 01/01/2022
- Tiền thuế GTGT chưa đủ điều kiện được khấu trừ	3.220.898.739	2.975.065.554
- Lãi tiền gửi có kỳ hạn	274.353.424	300.090.412
- Tạm ứng	668.669.506	94.098.979
- Khác	887.908	15.472.948
<b>Cộng</b>	<b>4.164.809.577</b>	<b>3.384.727.893</b>

**6. Hàng tồn kho, thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn**

	Số cuối kỳ 30/06/2022		Số đầu năm 01/01/2022	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
<b>Hàng tồn kho</b>	<b>27.982.032.109</b>	-	<b>12.367.112.788</b>	-
- Nguyên liệu, vật liệu	14.112.058.822	-	12.007.267.400	-
- Công cụ, dụng cụ	116.918.328	-	74.418.116	-
- Chi phí SXKDDD(*)	13.753.054.959	-	285.427.272	-
<b>Cộng</b>	<b>27.982.032.109</b>	-	<b>12.367.112.788</b>	-
<b>Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn (**)</b>	<b>66.683.496</b>	-	<b>66.683.496</b>	-

(\*) Chi tiết gồm:

	Số cuối kỳ 30/06/2022	Số đầu năm 01/01/2022
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang – sản phẩm dịch vụ cung cấp nước	1.901.352.941	-
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang – NĐ117	1.482.536.201	-
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang – thay đồng hồ nước	10.083.738.545	-
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang khác	285.427.272	285.427.272
<b>Cộng</b>	<b>13.753.054.959</b>	<b>285.427.272</b>

(\*\*) Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn dùng để dự phòng sửa chữa hệ thống cấp nước trên địa bàn Công ty quản lý.

**CÔNG TY CP CẤP NƯỚC TÂN HÒA**

Địa chỉ: Số 215 Trần Thủ Độ, phường Phú Thạnh, quận Tân Phú, T.p Hồ Chí Minh

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2022

**7. Chi phí trả trước ngắn và dài hạn****7a. Chi phí trả trước ngắn hạn**

	Số cuối kỳ 30/06/2022	Số đầu năm 01/01/2022
- Phí bảo hiểm nhân thọ CB – CNV	1.632.950.000	-
- Phí bảo hiểm sức khỏe	327.005.998	-
- Chi phí khác	11.203.500	-
<b>Cộng</b>	<b>1.971.159.498</b>	<b>-</b>

**Tình hình biến động chi phí trả trước ngắn hạn:**

	Kỳ này	Kỳ trước
Số đầu năm	-	17.964.394
Tăng trong kỳ	5.474.031.302	5.411.208.620
Phân bổ trong kỳ	(3.502.871.804)	(2.715.506.583)
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>1.971.159.498</b>	<b>2.713.666.431</b>

**7b Chi phí trả trước dài hạn**

	Số cuối kỳ 30/06/2022	Số đầu năm 01/01/2022
- Chi phí phần mềm bản quyền	338.725.613	509.855.727
- Chi phí phân bổ dài hạn khác	475.516.547	720.058.833
<b>Cộng</b>	<b>814.242.160</b>	<b>1.229.914.560</b>

**Tình hình biến động chi phí trả trước dài hạn:**

	Kỳ này	Kỳ trước
Số đầu năm	1.229.914.560	956.889.441
Tăng trong kỳ	2.249.000	374.587.000
Phân bổ trong kỳ	(417.921.400)	(322.784.640)
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>814.242.160</b>	<b>1.008.691.801</b>

**CÔNG TY CP CẤP NƯỚC TÂN HÒA**

Địa chỉ: Số 215 Trần Thủ Độ, phường Phú Thạnh, quận Tân Phú, T.p Hồ Chí Minh

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2022

**8. Tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
<b>Nguyên giá</b>					
Số đầu năm	612.250.160	9.180.124.050	5.160.467.480	6.761.826.520	21.714.668.210
Mua trong kỳ	-	434.000.000	-	340.020.000	774.020.000
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>612.250.160</b>	<b>9.614.124.050</b>	<b>5.160.467.480</b>	<b>7.101.846.520</b>	<b>22.488.688.210</b>
<i>Trong đó nguyên giá TSCĐ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng</i>	<i>612.250.160</i>	<i>3.117.529.650</i>	<i>4.928.644.753</i>	<i>1.262.402.520</i>	<i>9.920.827.083</i>
<b>Giá trị hao mòn</b>					
Số đầu năm	612.250.160	5.056.615.761	5.136.211.948	3.567.430.096	14.372.507.965
Khấu hao trong kỳ	-	644.881.574	19.318.560	584.690.777	1.248.890.911
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>612.250.160</b>	<b>5.701.497.335</b>	<b>5.155.530.508</b>	<b>4.152.120.873</b>	<b>15.621.398.876</b>
<b>Giá trị còn lại</b>					
Số đầu năm	-	4.123.508.289	24.255.532	3.194.396.424	7.342.160.245
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>-</b>	<b>3.912.626.715</b>	<b>4.936.972</b>	<b>2.949.725.647</b>	<b>6.867.289.334</b>

**9. Tài sản cố định vô hình**

Chỉ tiêu	Phần mềm máy tính	Tổng cộng
<b>Nguyên giá</b>		
Số dư đầu năm	5.542.504.000	5.542.504.000
Tăng trong kỳ	-	-
Giảm trong kỳ	-	-
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>5.542.504.000</b>	<b>5.542.504.000</b>
<i>Trong đó nguyên giá TSCĐ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng</i>	<i>952.499.000</i>	<i>952.499.000</i>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>		
Số dư đầu năm	3.948.223.557	3.948.223.557
Tăng trong kỳ	765.000.822	765.000.822
- Khấu hao trong kỳ	765.000.822	765.000.822
Giảm trong kỳ	-	-
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>4.713.224.379</b>	<b>4.713.224.379</b>
<b>III. Giá trị còn lại</b>		
<b>1. Tại ngày đầu năm</b>	<b>1.594.280.443</b>	<b>1.594.280.443</b>
<b>2. Tại ngày cuối kỳ</b>	<b>829.279.621</b>	<b>829.279.621</b>

**10. Phải trả người bán ngắn hạn và dài hạn**

	Số cuối kỳ 30/06/2022	Số đầu năm 01/01/2022
<b><i>Phải trả ngắn hạn cho các bên liên quan</i></b>	<b>33.189.928.572</b>	<b>20.210.602.000</b>
Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn – TNHH MTV	33.189.928.572	20.210.602.000
<b><i>Phải trả ngắn hạn cho các nhà cung cấp khác</i></b>	<b>3.449.864.403</b>	<b>11.724.136.700</b>
Công ty TNHH SX Thương mại Khuôn mẫu Minh Trí	799.200.000	-
Công ty TNHH TMĐT XD Hưng An	723.862.001	2.703.275.000
Công ty TNHH TM&KT Trương Nguyệt	340.281.000	644.490.000
Các đối tượng khác	1.586.521.402	8.376.371.700
<b>Cộng</b>	<b>36.639.792.975</b>	<b>31.934.738.700</b>

**11. Người mua trả tiền trước ngắn hạn**

	Số cuối kỳ 30/06/2022	Số đầu năm 01/01/2022
<b><i>Trả trước của các khách hàng khác</i></b>	<b>6.907.231.684</b>	<b>1.680.186.191</b>
- Khách hàng ứng trước tiền ĐHN	242.296.274	115.762.136
- Khách hàng ứng trước tiền kiểm định ĐHN	40.165.000	49.362.000
- Khách hàng ứng trước tiền các dịch vụ khác	6.624.770.410	1.515.062.055
<b>Cộng</b>	<b>6.907.231.684</b>	<b>1.680.186.191</b>

**12. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	Số đầu năm 01/01/2022		Số phát sinh trong kỳ từ 01/01/2022 đến 30/06/2022		Số cuối kỳ 30/06/2022	
	Phải nộp	Phải thu	Số phải nộp	Số đã nộp	Phải nộp	Phải thu
- Thuế GTGT hàng bán nội địa	5.476.622.842	-	2.725.739.983	(7.626.486.144)	575.876.681	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.076.002.730	-	571.872.152	(1.297.807.367)	350.067.515	-
- Thuế thu nhập cá nhân	-	16.523.223	499.174.460	(427.669.113)	54.982.124	-
- Thuế môn bài	-	-	4.000.000	(4.000.000)	-	-
- Khoản thuế khác	-	-	160.527.600	(160.527.600)	-	-
<b>Cộng</b>	<b>6.552.625.572</b>	<b>16.523.223</b>	<b>3.961.314.195</b>	<b>(9.516.490.224)</b>	<b>980.926.320</b>	<b>-</b>

***Thuế giá trị gia tăng***

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ.

**CÔNG TY CP CẤP NƯỚC TÂN HÒA**

Địa chỉ: Số 215 Trần Thủ Độ, phường Phú Thạnh, quận Tân Phú, T.p Hồ Chí Minh

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2022

**Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%. Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

	<b>Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022</b>	<b>Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021</b>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	2.604.847.760	2.569.629.765
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
- Các khoản điều chỉnh tăng	254.513.000	157.371.648
+ Chi phí không hợp lý, hợp lệ	254.513.000	157.371.648
Thu nhập chịu thuế	2.859.360.760	2.727.001.413
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
<b>Thuế TNDN phải nộp theo thuế suất phổ thông</b>	<b>571.872.152</b>	<b>545.400.283</b>
<b>Truy thu thuế TNDN</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Tổng Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp</b>	<b>571.872.152</b>	<b>545.400.283</b>

**13. Phải trả ngắn hạn và dài hạn khác**

	<b>Số cuối kỳ 30/06/2022</b>	<b>Số đầu năm 01/01/2022</b>
- Cổ tức(*)	2.956.420.000	8.835.000
- Kinh phí công đoàn	218.454.980	-
- Kinh phí Đảng	77.440.000	248.249.588
- Bảo lãnh thực hiện hợp đồng	11.383.000	11.383.000
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	89.112.951	177.616.928
- Các khoản phải trả khác	1.582.656.004	589.976.877
<b>Cộng</b>	<b>4.935.466.935</b>	<b>1.036.061.393</b>

(\*) Trong đó: Tiền cổ tức phải trả cho Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn – TNHH MTV với số tiền là 1.917.500.000 đồng.

**14. Quỹ khen thưởng, phúc lợi**

	<b>Số đầu năm</b>	<b>Tăng do trích lập từ lợi nhuận</b>	<b>Tăng khác</b>	<b>Chi quỹ trong kỳ</b>	<b>Số cuối kỳ</b>
- Quỹ khen thưởng	1.457.254.302	1.353.700.268	42.240.000	(473.947.000)	2.379.247.570
- Quỹ phúc lợi	698.386.716	1.353.700.268	-	(892.454.138)	1.159.632.846
- Quỹ thưởng ban điều hành	-	388.800.000	-	(388.800.000)	-
<b>Cộng</b>	<b>2.155.641.018</b>	<b>3.096.200.536</b>	<b>42.240.000</b>	<b>(1.755.201.138)</b>	<b>3.538.880.416</b>

**15. Vốn chủ sở hữu****15a Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**Chi tiết xem **Phụ lục 01** đính kèm

**CÔNG TY CP CẤP NƯỚC TÂN HÒA**

Địa chỉ: Số 215 Trần Thủ Độ, phường Phú Thạnh, quận Tân Phú, T.p Hồ Chí Minh

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2022

**15b Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

	Tỷ lệ	Số cuối kỳ 30/06/2022	Số đầu năm 01/01/2021
Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn – TNHH MTV	65%	32.500.000.000	32.500.000.000
Các cổ đông khác	35%	17.500.000.000	17.500.000.000
<b>Cộng</b>	<b>100%</b>	<b>50.000.000.000</b>	<b>50.000.000.000</b>

Tình hình góp vốn điều lệ như sau:

	Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp	Vốn điều lệ đã góp	Vốn điều lệ còn phải góp
	50.000.000.000	50.000.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>50.000.000.000</b>	<b>50.000.000.000</b>	<b>-</b>

**15c Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021
<b>Vốn đầu tư của chủ sở hữu</b>		
- Vốn góp đầu năm	50.000.000.000	50.000.000.000
- Vốn góp cuối kỳ	50.000.000.000	50.000.000.000
<b>Cổ tức, lợi nhuận</b>		
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả đầu năm	8.835.000	10.877.500
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả trong kỳ	2.948.820.000	2.948.820.000
+ Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước	2.948.820.000	2.948.820.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chi trả bằng tiền	(1.627.350)	(2.042.500)
+ Cổ tức, lợi nhuận đã thu/(chi) trên lợi nhuận năm trước	(1.627.350)	(2.042.500)
- Cổ tức, lợi nhuận còn phải trả cuối kỳ	2.956.027.650	2.957.655.000

**15d Cổ phiếu**

	Số cuối kỳ 30/06/2022	Số đầu năm 01/01/2022
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành		
Số lượng cổ phiếu đã phát hành/bán ra công chúng	5.000.000	5.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	5.000.000	5.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là Vốn chủ sở hữu)	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại		
- Cổ phiếu phổ thông	2.000	2000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	4.998.000	4.998.000
- Cổ phiếu phổ thông	4.998.000	4.998.000
- Cổ phiếu ưu đãi		

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000/CP.

**15e Các quỹ của doanh nghiệp**

Quỹ đầu tư phát triển dùng để đầu tư mở rộng quy mô kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.

**CÔNG TY CP CẤP NƯỚC TÂN HÒA**

Địa chỉ: Số 215 Trần Thủ Độ, phường Phú Thạnh, quận Tân Phú, T.p Hồ Chí Minh

**Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2022

**15f Phân phối lợi nhuận**

Trong kỳ, Công ty đã phân phối lợi nhuận từ kết quả kinh doanh năm 2021 theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2022 số 003/NQ-TH-ĐHĐCĐ ngày 27 tháng 04 năm 2022 như sau:

• Trích thưởng Ban điều hành	:	388.800.000
• Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	:	2.707.400.536
• Trích quỹ đầu tư phát triển	:	263.046.392
• Chia cổ tức còn lại cho các cổ đông năm 2021	:	2.948.820.000
<b>Cộng</b>	:	<b>6.308.066.928</b>

**16. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán****Tài sản thuê ngoài**

- Công ty đang sử dụng địa chỉ số 95 Phạm Hữu Chí, phường 12 quận 5, Tp. HCM làm địa điểm kinh doanh Công ty Cổ Phần Cấp Nước Tân Hòa. Đây là diện tích đất do UBND Tp. HCM giao cho Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn – TNHH MTV (“Tổng Công ty”) quản lý. Tổng Công ty đã có văn bản số 5357/TCT-VP ngày 23/11/2021 và văn bản số 1741/TCT-VP ngày 14/04/2022 đề nghị các đơn vị cổ phần khẩn trương di dời để hoàn trả các địa chỉ nhà đất cho Tổng Công ty Cấp Nước Sài Gòn trước ngày 30/04/2022. Hiện nay, Công ty Cổ Phần Cấp Nước Tân Hòa đang nỗ lực xây dựng các phương án để di dời địa điểm kinh doanh Công ty tại địa chỉ số 95 Phạm Hữu Chí, phường 12, quận 5, Tp. HCM trong thời gian tới;
- Đất đặt trụ sở Công ty tại Số 215 Trần Thủ Độ, phường Phú Thạnh, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh được sử dụng từ năm 2015, tới thời điểm hiện tại Công ty chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và ký hợp đồng thuê đất. Trong kì, Công ty vẫn nộp tiền thuê đất theo thông báo chi cục thuế quận Tân Phú, tiền thuê đất phát sinh trong kì đã nộp là 160.527.600 đồng.

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ (ĐVT: VNĐ)****1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

Chi tiết gồm:	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021
- Doanh thu quản lý dịch vụ cung cấp nước sạch (*)	49.927.594.464	44.568.573.587
- Doanh thu gắn ĐHN NĐ117	-	757.262.491
- Doanh thu lắp đặt ống cái, di dời, bồi thường ĐHN	2.482.810.749	2.137.212.183
- Doanh thu khác	534.480.918	2.386.965.350
<b>Cộng</b>	<b>52.944.886.131</b>	<b>49.850.013.611</b>

(\*) Theo khoản 4.1, Điều 4, Hợp đồng dịch vụ phân phối nước sạch số 454/HĐ-TCT-KDDVKH ngày 24/01/2022 giữa Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn – TNHH MTV với Công ty, “Vào cuối năm, 02 Bên cùng xác định lại doanh thu tiền nước và/hoặc các khoản như: Truy thu nước gian lận, thi công bê ống, sử dụng nước không qua đồng hồ, súc xả nước thi công, tiền nước do khách hàng vi phạm vi quy định sử dụng nước, bên B thu được (thực thu), tính đến thời điểm 31/12/2022, để tính toán giá trị hợp đồng cho phù hợp...”



**CÔNG TY CP CẤP NƯỚC TÂN HÒA**

Địa chỉ: Số 215 Trần Thủ Độ, phường Phú Thạnh, quận Tân Phú, T.p Hồ Chí Minh

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2022

**2. Giá vốn hàng bán**

Chi tiết	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021
- Giá vốn quản lý dịch vụ cung cấp nước sạch	40.148.949.873	36.967.974.094
- Giá vốn gắn ĐHN NĐ117	-	757.262.490
- Giá vốn lắp đặt ống cái, di dời, bồi thường ĐHN	1.975.485.701	1.575.178.579
- Giá vốn khác	186.005.039	2.110.030.022
<b>Cộng</b>	<b>42.310.440.613</b>	<b>41.410.445.185</b>

**3. Doanh thu hoạt động tài chính**

Chi tiết	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021
- Lãi tiền gửi có kỳ hạn	361.391.749	562.578.173
- Lãi tiền gửi không kỳ hạn	2.837.664	5.862.343
<b>Cộng</b>	<b>364.229.413</b>	<b>568.440.516</b>

**4. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

Chi tiết gồm:	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021
- Chi phí nhân viên quản lý	3.654.311.459	3.277.075.661
- Thuế, phí và lệ phí	164.527.600	161.431.600
- Trợ cấp mất việc làm	33.040.000	-
- Chi phí dịch vụ mua ngoài bằng tiền khác	4.693.883.033	3.081.859.869
<b>Cộng</b>	<b>8.545.762.092</b>	<b>6.520.367.130</b>

**5. Thu nhập khác**

Chi tiết	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021
- Phí đóng mở nước, bấm chìa khóa góc	143.843.291	72.970.861
- Thanh lý TSCĐ	-	5.772.727
- Khác	70.956.290	27.440.916
<b>Cộng</b>	<b>214.799.581</b>	<b>106.184.504</b>

**6. Lãi trên cổ phiếu****Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu**

	<b>Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022</b>	<b>Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021</b>
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	2.032.975.608	2.024.229.482
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:	-	-
Lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	2.032.975.608	2.024.229.482
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm (Cp)	4.998.000	4.998.000
<b>Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu (đồng/cp)</b>	<b>407</b>	<b>405</b>

**7. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố**

Chi tiết gồm:	<b>Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022</b>	<b>Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021</b>
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	13.713.530.648	9.297.179.321
- Chi phí nhân công	34.851.672.158	31.549.293.015
- Chi phí dụng cụ sản xuất	1.037.390.423	620.191.988
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.013.891.733	1.971.525.774
- Chi phí dịch vụ mua ngoài bằng tiền khác	12.408.248.576	10.450.632.927
<b>Cộng</b>	<b>64.024.733.538</b>	<b>53.888.823.025</b>

**VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (ĐVT: VND)****1. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác**

	<b>Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022</b>	<b>Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021</b>
Tiền chi gửi tiết kiệm trên 03 tháng cho vay	(8.000.000.000)	(8.000.000.000)
<b>Cộng</b>	<b>(8.000.000.000)</b>	<b>(8.000.000.000)</b>

**2. Tiền thu hồi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác**

	<b>Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022</b>	<b>Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021</b>
Thu hồi tiền gửi tiết kiệm trên 03 tháng	5.000.000.000	10.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b>5.000.000.000</b>	<b>10.000.000.000</b>

## VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

### 1. Nợ tiềm tàng

Công ty đang sử dụng diện tích đất tại 95 Phạm Hữu Chí, quận 5, Tp. Hồ Chí Minh làm văn phòng giao dịch khách hàng. Đây là diện tích đất do UBND thành phố Hồ Chí Minh giao cho Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn – TNHH MTV (“Tổng Công ty”) quản lý. Hiện tại, Tổng Công ty và Công ty chưa thống nhất phương án cho thuê lại diện tích và cơ sở hạ tầng trên đất nên chi phí liên quan (nếu có) chưa được phản ánh trong Báo cáo tài chính của Công ty.

### 2. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

#### 2a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

##### *Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt*

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

##### *Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt*

Tại thời điểm 30/06/2022, Công ty không có công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

##### *Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt*

Thành viên quản lý chủ chốt	Chức vụ	Kỳ này	Kỳ trước
Bà Trần Thị Ngọc Luyến	Chủ tịch HĐQT	501.422.444	402.792.285
Ông Phạm Khương Thảo <sup>(1)</sup>	TV HĐQT kiêm Giám đốc	335.483.525	361.359.473
Ông Nguyễn Mười <sup>(2)</sup>	TV HĐQT kiêm Giám đốc	202.546.696	-
Lê Trung Thành <sup>(3)</sup>	Phó Giám đốc kinh doanh	260.603.040	-
Ông Trương Tấn Quốc <sup>(4)</sup>	Phó Giám đốc	230.956.069	332.069.977
Ông Vũ Khánh Trùng Dương	Trưởng Ban Kiểm soát	373.252.563	329.784.299
Ông Trần Công Lễ <sup>(5)</sup>	Phó Giám đốc kinh doanh	116.187.022	333.369.924
Ông Nguyễn Trần Lam <sup>(6)</sup>	Phó Giám đốc	52.005.585	-
Bà Nguyễn Thị Thanh Tuyền	Kế Toán Trưởng	340.654.970	310.403.841
<b>Cộng</b>		<b>2.413.111.914</b>	<b>2.069.779.799</b>

Trong đó:

<sup>(1)</sup> Ông Phạm Khương Thảo miễn nhiệm từ ngày 26/01/2022;

<sup>(2)</sup> Ông Nguyễn Mười được bổ nhiệm từ ngày 26/01/2022;

<sup>(3)</sup> Ông Lê Trung Thành được bổ nhiệm ngày 01/08/2021;

<sup>(4)</sup> Ông Trương Tấn Quốc miễn nhiệm từ ngày 26/01/2022;

<sup>(5)</sup> Ông Trần Công Lễ miễn nhiệm từ ngày 01/07/2021;

<sup>(6)</sup> Ông Nguyễn Trần Lam được bổ nhiệm từ ngày 19/04/2022.

**CÔNG TY CP CẤP NƯỚC TÂN HÒA**

Địa chỉ: Số 215 Trần Thủ Độ, phường Phú Thạnh, quận Tân Phú, T.p Hồ Chí Minh

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2022

**Thù lao của các thành viên quản lý chủ chốt**

Thành viên quản lý chủ chốt	Chức vụ	Kỳ này	Kỳ trước
Ông Nguyễn Thanh Sử	TV HĐQT	33.000.000	16.500.000
Ông Lê Minh Châu	TV HĐQT	33.000.000	16.500.000
Bà Nguyễn Thị Kiều Nguyệt	TV HĐQT	33.000.000	16.500.000
Ông Nguyễn Mười	Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc từ ngày 26/01/2022	27.500.000	-
Ông Phạm Khương Thảo	Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc đến ngày 26/01/2022	5.500.000	16.500.000
Bà Trần Thị Thanh Tâm	TV BKS	24.000.000	12.000.000
Bà Trần Thị Châu Giang	TV BKS	24.000.000	12.000.000
<b>Cộng</b>		<b>180.000.000</b>	<b>90.000.000</b>

**2b Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác***Các bên liên quan khác với Công ty gồm:*

Bên liên quan	Mối quan hệ	Tỷ lệ góp vốn
Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn – TNHH MTV	Chủ sở hữu	65%
Công ty Cổ phần Cấp nước Chợ Lớn	Công ty thuộc Tổng Công ty	

*Các giao dịch phát sinh giữa Công ty với các bên liên quan khác như sau:*

Bên liên quan	Giao dịch	Kỳ này	Kỳ trước
Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn - TNHH MTV	Doanh thu	49.992.639.555	45.488.093.247
	+ Phân phối nước sạch	49.927.594.464	44.568.573.587
	+ Thay, gắn đồng hồ nước	-	757.262.491
	+ Tư vấn quản lý dự án	65.045.091	162.257.169
	Mua vật tư ngành nước	12.090.016.400	7.765.376.000
	Chi phí khác	81.818.182	25.600.000
Công ty Cổ phần Cấp nước Chợ Lớn	Mua hàng hóa và dịch vụ	25.389.150	37.757.280

*Ghi chú: Các giá trị giao dịch mua bán trên là giá chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng.***Số dư cuối kỳ các bên liên quan:**

Bên liên quan	Khoản mục	Số cuối kỳ 30/06/2022	Số đầu năm 01/01/2022
Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn - TNHH MTV	Phải thu khách hàng	36.183.227.399	54.361.001.214
	+ Phân phối nước sạch	5.617.684.993	8.431.159.476
	+ Giảm thất thoát nước	-	9.243.354.432
	+ Thay, gắn đồng hồ nước	28.338.865.474	34.188.272.628

**CÔNG TY CP CẤP NƯỚC TÂN HÒA**

Địa chỉ: Số 215 Trần Thủ Độ, phường Phú Thạnh, quận Tân Phú, T.p Hồ Chí Minh

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2022

	+ Lắp đặt trụ cứu hỏa	821.622.989	821.622.989
	+ Tư vấn quản lý dự án	163.103.943	214.913.256
	+ Phí bảo vệ môi trường	-	219.728.433
	+ Thi công công trình	1.241.950.000	1.241.950.000
	Người mua trả tiền trước	5.104.516.974	-
	Phải trả người bán	33.189.928.572	20.210.602.000
	+ Mua vật tư ngành nước	33.189.928.572	20.182.602.000
	+ Thi nâng bậc thợ và thi chuyển chức danh	-	28.000.000
	Phải thu khác	495.558	15.473.948
	Phải trả khác	3.080.320.564	-
	Tiền nước thu hộ Tổng Công ty	84.873.736	-
	Phải trả thu hộ tiền nước do khách hàng vi phạm quy định sử dụng nước	1.077.946.828	-
	Cổ tức phải trả	1.917.500.000	-
Công ty Cổ phần Cấp nước Chợ Lớn	Trả trước cho người bán ngắn hạn	2.142.695	9.338.460

**3. Tài sản đảm bảo**

Công ty không nắm giữ tài sản đảm bảo nào của một bên khác vào ngày 30/06/2022.

**4. Khả năng hoạt động kinh doanh liên tục**

Công ty không có bất kỳ sự kiện nào khác xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán 06 tháng năm 2022 đến ngày phát hành Báo cáo tài chính giữa niên độ này.

**5. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán 06 tháng năm 2022**

Công ty không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán 06 tháng năm 2022 yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 7 năm 2022.

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc





HOÀNG THỊ XUÂN TRANG

NGUYỄN THỊ THANH TUYÊN

NGUYỄN MƯỜI

**CÔNG TY CP CẤP NƯỚC TÂN HÒA**

Địa chỉ: Số 215 Trần Thị Độ, phường Phú Thạnh, quận Tân Phú, T.p Hồ Chí Minh

Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2022

**PHỤ LỤC SỐ 01: TÌNH HÌNH TĂNG GIẢM VỐN CHỦ SỞ HỮU**

Chi tiêu	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Cổ phiếu quỹ	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
A	1	2	4	5	6	7
1. Số dư tại ngày 01 tháng 01 năm 2021	50.000.000.000	93.553.000	890.103.360	(27.200.000)	6.148.122.934	57.104.579.294
2. Tăng trong kỳ trước	-	-	256.376.538	-	2.024.229.482	2.280.606.020
- Lợi nhuận tăng	-	-	256.376.538	-	2.024.229.482	2.280.606.020
- Bỏ sung từ lợi nhuận	-	-	-	-	-	256.376.538
3. Giảm trong kỳ trước	-	-	-	-	(6.148.122.934)	(6.148.122.934)
- Trích Quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	-	(256.376.538)	(256.376.538)
- Trích Quỹ khen thưởng	-	-	-	-	(1.656.143.198)	(1.656.143.198)
- Trích Quỹ phúc lợi	-	-	-	-	(1.286.783.198)	(1.286.783.198)
- Trích cô tức phải trả	-	-	-	-	(2.948.820.000)	(2.948.820.000)
4. Số dư tại ngày 30 tháng 06 năm 2021	50.000.000.000	93.553.000	1.146.479.898	(27.200.000)	2.024.229.482	53.237.062.380
5. Số dư tại ngày 01 tháng 01 năm 2022	50.000.000.000	93.553.000	1.146.479.898	(27.200.000)	6.308.066.928	57.520.899.826
6. Tăng trong kỳ này	-	-	263.046.392	-	2.032.975.608	2.296.022.000
- Lợi nhuận tăng	-	-	263.046.392	-	2.032.975.608	2.296.022.000
- Bỏ sung từ lợi nhuận	-	-	-	-	-	263.046.392
7. Giảm trong kỳ này	-	-	-	-	(6.308.066.928)	(6.308.066.928)
- Trích Quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	-	(263.046.392)	(263.046.392)
- Trích Quỹ khen thưởng	-	-	-	-	(1.742.500.268)	(1.742.500.268)
- Trích Quỹ phúc lợi	-	-	-	-	(1.353.700.268)	(1.353.700.268)
- Trích cô tức phải trả	-	-	-	-	(2.948.820.000)	(2.948.820.000)
8. Số dư tại ngày 30 tháng 06 năm 2022	50.000.000.000	93.553.000	1.409.526.290	(27.200.000)	2.032.975.608	53.508.854.898

(\*) Đại hội đồng cổ đông đã phê duyệt chỉnh thức việc phân phối lợi nhuận năm 2021 theo Nghị quyết số 003/NQ-TH-DHDCD ngày 27 tháng 04 năm 2022.

03.10.27.00 Phó G.D.T.C.P

Giám đốc

Người lập biểu

Kế toán trưởng

*(Signature)*

*(Signature)*

HOÀNG THỊ XUÂN TRANG

NGUYỄN THỊ THANH TUYẾN

NGUYỄN MƯỜI

